

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong thực hiện “Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 26/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ”, việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo từ năm 2022-2023 tại Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên

Thực hiện Quyết định số 80/QĐ-TTr ngày 03/6/2024 của Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT về việc thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong thực hiện Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 26/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ”, việc thực hiện tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Từ ngày 10/6/2024 đến ngày 28/6/2024 Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên.

Sau khi xem xét báo cáo kết quả của Đoàn Thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT kết luận thanh tra như sau:

A. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên (Ban) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa, được thành lập theo Quyết định số 1476/QĐ-UB ngày 15/6/2000 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá; chức năng nhiệm vụ của đơn vị thực hiện theo Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 02/5/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá.

Diện tích được giao quản lý, sử dụng theo UBND tỉnh phê duyệt là 24.728,60 ha; trong đó: rừng đặc dụng 23.816,23 ha (phân khu bảo vệ nghiêm ngặt 10.869,18 ha; phân khu phục hồi sinh thái 10.393,38 ha; phân khu dịch vụ-hành chính 2.553,67 ha); rừng sản xuất 912,37 ha.

Ban được giao biên chế 41 người, gồm: 19 công chức, 22 viên chức; tổng số công chức, viên chức hiện có đến thời điểm thanh tra là 38 người gồm: 17 công chức và 21 viên chức; bộ máy tổ chức gồm có 02 phòng, 01 trung tâm; 01 Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng (09 tổ, trạm kiểm lâm trực thuộc); lãnh đạo Ban quản lý có 03 người gồm Giám đốc kiêm Hạt trưởng và 02 Phó Giám đốc.

B. KẾT QUẢ THANH TRA

I. Thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong thực hiện Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 26/6/2019

1. Việc tổ chức quán triệt, thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019:

1.1. Việc triển khai và tuyên truyền, phổ biến các văn bản chỉ đạo của cấp trên về PCTN:

Ban đã thực hiện nghiêm việc quán triệt, phổ biến các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động thông qua các hội nghị tại cơ quan, sinh hoạt định kỳ của chi bộ, triển khai thông qua Zalo, Fanpage.

1.2. Việc xây dựng chương trình, kế hoạch phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi tham nhũng, tiêu cực của đơn vị:

Hàng năm, Ban đã thực hiện xây dựng Chương trình, Kế hoạch PCTN, TC (năm 2022 ban hành 04 kế hoạch và 03 quyết định; năm 2023 ban hành 04 kế hoạch và 02 quyết định).

2. Việc thực hiện các quy định của pháp luật trong phòng chống tham nhũng, tiêu cực

2.1. Công khai, minh bạch trong hoạt động tài chính, ngân sách:

2.1.1. Việc công khai dự toán, quyết toán tài chính năm:

a. Việc công khai dự toán, quyết toán tài chính năm:

Trong 02 năm, Ban đã thực hiện công khai theo đúng quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC; thực hiện công khai qua hệ thống xử lý văn bản hành chính TDOffice và công bố trong hội nghị cán bộ công chức, viên chức, hội nghị cán bộ chủ chốt và hội nghị giao ban hằng quý, năm.

b. Việc chấp hành các quy định pháp luật trong việc xây dựng dự toán; chấp hành dự toán và quyết toán nguồn kinh phí được giao; việc thanh toán không dùng tiền mặt:

- Ban đã xây dựng dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán nguồn kinh phí theo quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước và Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Việc thanh toán không dùng tiền mặt: Ban đã thực hiện thanh toán các khoản chi phí liên quan đến hoạt động chung của đơn vị qua hệ thống tài khoản ngân hàng; 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị được thanh toán lương qua tài khoản ngân hàng.

c. Kết quả kiểm tra việc thực hiện luật phòng chống tham nhũng trong công tác quản lý nguồn kinh phí hằng năm:

- Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được NSNN cấp hằng năm

TT	Nguồn kinh phí	Năm 2022	Năm 2023
I	Kinh phí chi thường xuyên		
1	Dự toán năm trước chuyển sang	0	0
2	Dự toán được giao trong năm:	6.733.000.000	6.896.000.000
3	Kinh phí thực nhận trong năm	6.733.000.000	6.892.360.000
4	Kinh phí quyết toán	6.733.000.000	6.892.360.000
II	Kinh phí không thường xuyên		
1	Dự toán năm trước chuyển sang	199.500	238.249.500
2	Dự toán được giao trong năm	11.612.200.000	11.043.449.000
3	Kinh phí thực nhận trong năm	11.313.066.800	11.146.909.500
4	Kinh phí quyết toán	11.313.066.800	11.146.909.500

Trong 02 năm Ban đã thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên để chi thu nhập tăng thêm và trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi số tiền là 1.127.256.288 đồng (trong đó: năm 2022 là 501.118.315 đồng, năm 2023 là 626.137.973 đồng).

Kiểm tra hồ sơ cho thấy Ban đã chấp hành dự toán chi, chế độ, định mức, tiêu chuẩn chi theo quy định của Luật Ngân sách, các quy định hiện hành và theo quy chế chi tiêu nội bộ. Tuy nhiên, qua kiểm tra chứng từ thanh toán vẫn còn một số tồn tại, được nêu tại mục II tồn tại.

- Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ (HĐSXKD, DV)

Ngoài chức năng nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, Ban còn thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh dịch vụ: Dịch vụ bán cây giống, dịch vụ môi trường rừng.

Năm 2022	Số tiền
- Tổng thu từ HĐSXKD, DV trong năm	2.957.472.468
+ Thu từ bán cây giống	1.446.401.968
+ Dịch vụ môi trường rừng	1.480.550.500
+ Thu khác	30.520.000
- Tổng chi phí trong năm	2.487.024.400
- Nộp NSNN	42.458.000
- Trích lập quỹ	427.990.068
Năm 2023	
- Tổng thu từ HĐSXKD, DV trong năm	1.692.638.790
+ Thu từ bán cây giống	7.971.340
+ Dịch vụ môi trường rừng	1.608.337.870

+ Thu hoạt động tài chính	2.360.300
+ Thu khác	73.969.280
- Tổng chi phí trong năm	1.115.455.984
- Nộp NSNN	132.441.849
- Trích lập quỹ	445.553.180

Qua kiểm tra hồ sơ hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ: các chứng từ chi đảm bảo đúng chế độ, thực hiện báo cáo và quyết toán thuế theo đúng quy định. Tuy nhiên, hồ sơ thanh toán mua hạt giống, cây giống vẫn còn tồn tại được nêu tại mục II tồn tại.

2.2. Công khai minh bạch trong công tác tổ chức cán bộ

- Công khai về chỉ tiêu biên chế, tổ chức bộ máy:

Các Quyết định giao biên chế công chức, số lượng người làm việc cho các phòng, đơn vị trực thuộc Ban quản lý của Giám đốc Sở được đơn vị công khai bằng hình thức gửi qua tài khoản của cán bộ, công chức, viên chức trên hệ thống TDOOffice, công khai tại các cuộc họp.

- Việc tiếp nhận, tuyển dụng: Trong 02 năm, đơn vị không tuyển dụng công chức, viên chức; tiếp nhận 01 công chức và 01 viên chức từ Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bến En; hồ sơ tiếp nhận đảm bảo theo quy định.

- Việc quy hoạch và bổ sung quy hoạch: Ban đã ban hành các Quyết định số: 129/QĐ-BTXL ngày 15/7/2022 về việc phê duyệt rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Ban Quản lý Khu BTTN Xuân Liên giai đoạn 2020 - 2025 và xây dựng quy hoạch cán bộ giai đoạn 2025 - 2030; 177/QĐ-BTXL ngày 25/9/2023 về việc phê duyệt rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Ban Quản lý Khu BTTN Xuân Liên và các Trạm Kiểm lâm thuộc Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Xuân Liên, giai đoạn 2020 - 2025 và giai đoạn 2025 - 2030.

Qua kiểm tra, việc quy hoạch; rà soát, bổ sung quy hoạch đã được Ban công khai đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động.

- Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại:

Trong 2 năm, Ban đã thực hiện quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc Ban và Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng; 05 quy trình bổ nhiệm mới. Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đảm bảo trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Việc điều động, luân chuyển: Trong 2 năm có 03 người chuyển công tác sang UBND huyện Thạch Thành, Cục Quản lý thị trường Thanh Hóa và Ban QL Vườn Quốc gia Bến En, việc điều động, luân chuyển đảm bảo các quy định của pháp luật.

- Việc chuyển đổi vị trí công tác: Trong 2 năm, Ban không có vị trí công tác phải định kỳ chuyển đổi theo quy định tại Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 1/7/2019 của Chính phủ; Thông tư số 32/2015/TT-BNNPTNT ngày 06/10/2015 và Thông tư số 01/2023/TT-BNNPTNT ngày 25/5/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2.3. Công khai minh bạch trong quản lý tài sản công

2.3.1. Hình thức, thời điểm, nội dung công khai:

- Nội dung công khai: về tiêu chuẩn, định mức; đầu tư xây dựng, mua sắm; cho thuê, thanh lý, tài sản công.

- Hình thức công khai: qua hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hệ thống TD office, hội nghị giao ban hàng quý, niêm yết tại Trụ sở văn phòng Ban và qua báo đài (thanh lý tài sản).

Qua kiểm tra cho thấy nội dung và hình thức công khai đảm bảo theo yêu cầu của pháp luật.

2.3.2. Kết quả kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng trong mua sắm tài sản công:

a. Việc mua sắm tài sản công:

Trong 02 năm, Ban thực hiện mua sắm 01 Phương tiện vận tải (Xuồng du lịch), 04 máy móc, thiết bị làm việc (01 máy ảnh, 01 máy sấy lạnh, 01 máy đóng túi, 01 máy nghiền inox); sửa chữa 04 công trình là trụ sở và các trạm kiểm lâm trực thuộc; tổng kinh phí thực hiện 1.803.815.000 đồng. Việc mua sắm và sửa chữa các công trình được thực hiện đảm bảo theo các quy định của pháp luật.

b. Việc bán thanh lý tài sản công: Năm 2023, đơn vị thanh lý theo hình thức bán đấu giá 01 xe ô tô, quy trình bán thanh lý tài sản công đảm bảo theo quy định.

2.4. Công khai minh bạch trong kê khai tài sản, thu nhập:

Hàng năm, Ban đã ban hành Quyết định phê duyệt danh sách công chức, viên chức có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập; Kế hoạch công khai bản kê khai tài sản, thu nhập. Kết quả kiểm tra cho thấy: Năm 2022 có 22 người, năm 2023 có 21 người thuộc diện phải kê khai. Ban đã công khai bản kê khai tài sản theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP. Người kê khai đã thực hiện nghiêm việc kê khai, tuy nhiên, qua kiểm tra còn một số tồn tại, hạn chế, được nêu tại mục II Tồn tại.

2.5. Các biện pháp khác trong phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng, tiêu cực:

2.5.1. Việc xây dựng, ban hành, thực hiện các chế độ, định mức tiêu chuẩn:

Hàng năm, Ban đã xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ. Qua kiểm tra nhận thấy định mức chi tiêu tài chính, các chế độ đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định hiện hành; việc thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ được thực hiện đúng định mức quy định.

2.5.2. Việc thực hiện quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp:

Ban đã ban hành Quy chế văn hóa công sở và quy tắc ứng xử của công chức, viên chức và người lao động; Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ. Qua kiểm tra, năm 2023 đơn vị đã xử lý kỷ luật với hình thức khiển trách 01 viên chức do vi phạm nội quy, quy chế làm việc của đơn vị.

2.5.3. Việc thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc:

Qua kiểm tra cho thấy, Đơn vị đã tăng cường việc áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành, các cán bộ được trang bị máy vi tính; thực hiện kết nối Internet; sử dụng GPS có cài hệ thống Google Earth trong công tác tuần tra, kiểm tra rừng; đăng ký sử dụng các phần mềm liên thông quản lý văn bản, cơ sở dữ liệu với Sở, huyện và ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc.

2.6. *Việc tiếp nhận xử lý tin báo, giải quyết tố cáo hành vi tham nhũng; việc thực hiện kiến nghị xử lý theo kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán; việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng:*

- Việc tiếp nhận, xử lý tin báo, giải quyết tố cáo hành vi tham nhũng:

Trong 02 năm, không có đơn thư phản ánh, tố cáo về hành vi tham nhũng.

- Việc thực hiện kiến nghị xử lý theo kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm toán:

Năm 2022, Kiểm toán Nhà nước khu vực XI thực hiện 01 cuộc kiểm toán tại đơn vị (thời kỳ kiểm toán năm 2021); cơ quan kiểm toán không có kiến nghị đối với đơn vị.

- Việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo công tác phòng chống tham nhũng:

Trong 02 năm, Ban đã thực hiện đầy đủ chế độ thông tin báo cáo về công tác PCTN.

3. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về phòng chống tham nhũng trong thực thi công vụ

3.1. *Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; bảo tồn các hệ sinh thái rừng và cảnh quan thiên nhiên*

3.1.1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng

a. Kết quả thực hiện:

- Công tác tuyên truyền, tập huấn: Trong 02 năm, Ban đã tổ chức 419 cuộc họp thôn (bản, khu phố) với 29.759 lượt người tham gia; Phát 1.296 lần trên hệ thống truyền thông thôn (bản, khu phố) tuyên truyền phổ biến pháp luật về Lâm nghiệp; tổ chức 25 cuộc tuyên truyền với 4.240 lượt người tham dự theo các chương trình phổ biến giáo dục pháp luật trong lĩnh vực Lâm nghiệp trong cộng đồng; tổ chức 180 cuộc họp với 12 tổ đội, bảo vệ rừng tại 12 thôn (bản, khu phố) vùng đệm với 2.101 lượt người tham dự.

- Công tác quản lý rừng, bảo vệ rừng:

+ Năm 2022: Ban được giao kế hoạch bảo vệ rừng đặc dụng với diện tích 14.285,41 ha (Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững 10.404,41 ha; chương trình mục tiêu giảm nghèo 3.881 ha), kinh phí thực hiện 2.219.200.000

đồng (Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững là 1.233.200.000 đồng; chương trình mục tiêu giảm nghèo là 986.000.000 đồng); Ban đã ký hợp đồng giao khoán và chi trả tiền BVR đối với 12 cộng đồng thôn bản vùng đệm, thôn bản tại khu vực II, tổng số tiền đã chi trả 2.219.200.000 đồng.

+ Năm 2023: Ban được giao kế hoạch bảo vệ rừng đặc dụng theo chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững với diện tích 23.287,63 ha, kinh phí thực hiện 2.328.800.000 đồng; đơn vị ký hợp đồng và chi trả tiền BVR đối với 12 cộng đồng thôn bản để giao khoán 14.251,19 ha rừng, kinh phí đã sử dụng 1.425.119.000 đồng; còn lại 903.681.000 đồng đơn vị sử dụng trong công tác tự bảo vệ 9.036,44 ha.

Qua kiểm tra hồ sơ, việc giao khoán bảo vệ rừng đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện theo quy định. Kiểm tra 02 đối tượng nhận khoán là cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng, các tổ cộng đồng đã tuân tra, kiểm soát bảo vệ, không để xảy ra xâm lấn đất rừng trái phép, không xảy ra cháy rừng, ngăn chặn các vụ chặt phá, khai thác lâm sản trái phép; đại diện các cộng đồng nhận khoán đã nhận đầy đủ số tiền nhân công khoán bảo vệ rừng theo hợp đồng đã ký với Ban.

- Công tác thực thi pháp luật về lâm nghiệp: Trong 2 năm, lực lượng Kiểm lâm của Ban đã phát hiện, xử lý kịp thời 05 vụ lấn chiếm rừng, khai thác rừng, vận chuyển lâm sản trái phép (01 vụ thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND huyện, 01 vụ thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Thị trấn Thường Xuân; 03 vụ thuộc thẩm quyền xử phạt của Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm), xử phạt 05 cá nhân với số tiền 71.250.000 triệu đồng (năm 2022 là 3.000.000 đồng, năm 2023 là 68.250.000 đồng), tịch thu 2,384 m³ gỗ các loại. Qua kiểm tra hồ sơ, còn một số tồn tại được nêu tại mục II -Tồn tại.

b. Kiểm tra thực tế an ninh rừng:

Kiểm tra bằng phương pháp quan sát trực quan trên địa bàn thôn Lửa, xã Yên Nhân (gồm: Tiểu khu 500, khoảnh 7: lô 58 diện tích 02 ha; lô 54 diện tích 9,7 ha, lô 40 diện tích 2,7 ha; tiểu khu 501 khoảnh 4: lô 9, diện tích 9,8 ha; lô 48, diện tích 14,27 ha) cho thấy tình hình an ninh rừng cơ bản ổn định.

3.1.2. Công tác phát triển rừng

a. Việc trồng rừng đặc dụng từ nguồn kinh phí trồng rừng thay thế:

- Năm 2022: Ban được giao kế hoạch chăm sóc 15 ha rừng, trồng mới 40 ha rừng trồng đặc dụng tại Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa, tổng kinh phí được giao 684.113.000 đ. Kết quả: đơn vị đã thực hiện trồng được 20,15 ha rừng đặc dụng, chăm sóc tốt 15 ha rừng đã trồng từ năm 2019-2021, tổng kinh phí đã thực hiện: 425.367.290 đồng.

- Năm 2023: Ban được giao kế hoạch chăm sóc 35,15 ha rừng trồng đặc dụng theo kế hoạch tại Quyết định 1761/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa với tổng vốn là 184.685.400 đ. Đơn vị đã tổ chức

chăm sóc 35,15 ha rừng, kinh phí đã thực hiện 184.685.400 đồng (đạt 100% kế hoạch).

Qua kiểm tra, các chứng từ chi cơ bản đảm bảo chế độ, định mức hiện hành; hồ sơ các gói thầu mua sắm vật tư đơn vị đã tổ chức cơ bản đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật Đấu thầu.

b. Dự án trồng rừng sản xuất.

Năm 2022, Ban được giao kế hoạch trồng mới 270 ha rừng sản xuất tại xã Lương Sơn, xã Yên Nhân và xã Bát Mọt; chăm sóc 382,4 ha rừng đã được trồng từ năm 2019-2021, tổng kinh phí thực hiện 2.583.003.000 đồng (kinh phí trồng mới 2.544.763.000 đồng; kinh phí chăm sóc 692.466.000 đồng). Kết quả đơn vị đã thực hiện trồng được 270 ha rừng sản xuất, chăm sóc tốt 382,4 ha rừng trồng năm 2019-2021 (đạt 100% kế hoạch). Qua kiểm tra, các chứng từ chi cơ bản đảm bảo chế độ, định mức hiện hành; hồ sơ các gói thầu mua sắm vật tư đơn vị đã tổ chức cơ bản đảm bảo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Đấu thầu.

Kiểm tra thực tế 06 hộ tham gia trồng rừng sản xuất tại xã Lương Sơn, các hộ đều xác nhận đã nhận đủ kinh phí, vật tư trồng rừng theo hợp đồng đã ký với Ban; tại thời điểm kiểm tra, cây Keo sinh trưởng, phát triển tốt.

c. Công tác bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và động vật hoang dã: Trong 02 năm, đơn vị tiếp tục thực hiện công tác bảo tồn các hệ sinh thái rừng; không phát hiện vụ việc săn bắn, bẫy bắt động vật hoang dã.

3.2. *Việc thực hiện các Chương trình, dự án được giao*

3.2.1. *Việc thực hiện các đề tài, nhiệm vụ điều tra:*

Trong 02 năm, đơn vị được giao thực hiện 10 đề tài, nhiệm vụ khoa học (02 Đề tài cấp Quốc gia; 01 đề tài cấp tỉnh; 03 dự án và 04 nhiệm vụ nghiên cứu khoa học). Năm 2023, Sở Khoa học và Công nghệ đã thanh tra 01 đề tài “nghiên cứu xác định các cây trồng, vật nuôi bản địa có giá trị, hiệu quả kinh tế cao, phục vụ phát triển các sản phẩm đặc sản, sản phẩm Ocop tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa”, Thanh tra Sở tiến hành thanh tra việc triển khai, thực hiện 09 đề tài, dự án và nhiệm vụ còn lại:

(1) Đề tài: “Khai thác và phát triển nguồn gen dược liệu Na rừng” được phê duyệt tại Quyết định số 209/QĐ-BKH-CN ngày 30/01/2019, với tổng kinh phí: 3.950.000.000 đồng; tổng kinh phí thực hiện trong năm 2023 là 280.000.000 đồng.

(2) Đề tài “Khai thác và phát triển nguồn gen Cây vôi hương và Cây vôi mốc tại Thanh Hóa và một số tỉnh lân cận được phê duyệt tại Quyết định số 1672/QĐ-BKH-CN ngày 26/8/2022, với tổng kinh phí: 6.580.000.000 đồng; tổng kinh phí thực hiện trong năm 2022-2023 là 653.000.000 đồng.

(3) Dự án “Điều tra, bảo tồn, cứu hộ và nuôi dưỡng các loài Rùa” được phê duyệt thực hiện tại Quyết định số 4155/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa với tổng kinh phí được duyệt là 2.492.516.000 đồng; tổng kinh phí thực hiện trong năm 2022 là 376.974.000 đồng.

(4) Dự án “Điều tra, bảo tồn và phát triển các loài trong họ Cây (Viverridae) tại Khu BTTN Xuân Liên, tỉnh Thanh Hóa” được phê duyệt thực hiện tại Quyết định số 958/QĐ-UBND ngày 24/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa với tổng mức đầu tư được duyệt là 3.687.700.000 đồng; tổng kinh phí thực hiện trong năm 2022 là 1.594.336.000 đồng, năm 2023: 652.102.000 đồng.

(5) Dự án “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nhân giống, trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cây Quế ngọc theo chuỗi giá trị tại huyện Thường Xuân, theo Quyết định số 2838/QĐ-BKHHCN ngày 28/9/2019, với tổng kinh phí: 10.000.000.000 đồng, thời gian thực hiện từ 2019-2024; tổng kinh phí thực hiện trong năm 2022: 276.457.000 đồng, năm 2023: 471.784.000 đồng (NSDP);

(6) Nhiệm vụ “Điều tra đặc điểm sinh vật học và bảo tồn một số loài cây họ Dầu tại Khu BTTN Xuân Liên, tỉnh Thanh Hóa” được phê duyệt thực hiện tại Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa với tổng mức đầu tư được duyệt là 3.307.000.000 đồng; tổng kinh phí thực hiện trong năm 2022 là 1.095.908.800 đồng, năm 2023: 1.399.706.500 đồng.

(7) Nhiệm vụ “Điều tra, bảo tồn và phát triển các loài Giòi lông, Vàng tâm, Mỡ thuộc họ Ngọc Lan tại Khu BTTN Xuân Liên, tỉnh Thanh Hóa” được phê duyệt tại Quyết định số 3112/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa với tổng mức đầu tư được duyệt là 3.318.000.000 đồng; tổng kinh phí thực hiện trong năm 2022 là 1.074.042.000 đồng, năm 2023: 1.312.865.000 đồng.

(8) Nhiệm vụ “Điều tra, bảo tồn và phát triển 02 loài Vù hương được phê duyệt tại Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 08/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa với tổng mức đầu tư được duyệt là 3.135.000.000 đồng, dự án được thực hiện trong 03 năm, từ 2023-2025; tổng kinh phí thực hiện trong năm 2023 là 1.031.107.000 đồng.

(9) Nhiệm vụ "Điều tra, bảo tồn các loài Rái cá nguy cấp, quý hiếm tại Khu BTTN Xuân Liên, tỉnh Thanh Hóa" được phê duyệt thực hiện tại Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 08/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa với tổng mức đầu tư được duyệt là 2.235.000.000 đồng, dự án được thực hiện trong 03 năm, từ 2023-2025; tổng kinh phí thực hiện trong năm 2023 là 692.466.000 đồng.

Qua kiểm tra, có 06 đề tài, nhiệm vụ và dự án số 2,5,6,7,8,9 đang được triển khai thực hiện các nội dung đảm bảo tiến độ, kế hoạch đề ra; chúng tôi chỉ đảm bảo quy định tài chính hiện hành; có 02 dự án số 3,4 đã được nghiệm thu, thanh toán, quyết toán theo đúng quy định.

3.2.2. Việc hỗ trợ phát triển kinh tế vùng đệm:

- Năm 2022, Ban được giao thực hiện Mô hình nuôi Ngỗng sư tử tại xã Tân Thành theo Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh với tổng kinh phí là 567.865.000. Kết quả, Ban đã tổ chức 01 lớp tập huấn chuyên giao

quy trình kỹ thuật cho cho các hộ tham gia mô hình; hỗ trợ 2.280 con giống ngỗng sư tử và 2.250 kg thức ăn chăn nuôi.

Qua kiểm tra, các chứng từ chi cơ bản đảm bảo chế độ, định mức hiện hành; hồ sơ các gói thầu mua sắm con giống, thức ăn chăn nuôi đơn vị thực hiện cơ bản đảm bảo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Đấu thầu.

Kiểm tra thực tế tại 06 hộ tham gia mô hình, các hộ đã nhận đủ con giống và thức ăn chăn nuôi theo đúng số lượng đã ký nhận với Ban.

- Năm 2022, Ban được giao kế hoạch trồng 07 ha mô hình trồng Quế thâm canh tại xã Xuân Lệ theo Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa với tổng kinh phí thực hiện là 589.668.000 đồng.

Qua kiểm tra, các nội dung, chứng từ chi cơ bản đảm bảo chế độ, định mức hiện hành; hồ sơ các gói thầu mua sắm giống cây, phân bón đơn vị tổ cơ bản đảm bảo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Đấu thầu.

- Năm 2022, Ban được giao 120.000.000 đồng hỗ trợ 03 cộng đồng thôn vùng đệm gồm: thôn Vịn, thôn Hang Cáo, thôn Tiến Sơn 2 mua vật tư, cây giống và phân bón để phát triển kinh tế cho các thôn vùng đệm.

Qua kiểm tra hồ sơ, các nội dung thanh toán, hạng mục chi hỗ trợ thực hiện đảm bảo đúng định mức, chế độ quy định. Kiểm tra thực tế tại thôn Vịn, đại diện cộng đồng xác nhận được nhận hỗ trợ đầy đủ.

3.2.3. Dự án xây dựng, cải tạo công trình:

Trong năm 2022 và 2023, Ban được giao làm chủ đầu tư 04 dự án sửa chữa nhà, trạm gồm: Công trình bảo dưỡng, sửa chữa Văn phòng Hạt Kiểm lâm năm 2022 với tổng kinh phí được giao 300.000.000 đồng; Công trình Điểm check in thác Hón Yên năm 2022 với tổng kinh phí được giao 150.000.000 đồng; Công trình bảo dưỡng, sửa chữa Văn phòng Ban năm 2023 với tổng kinh phí được giao 490.000.000 đồng; Công trình bảo dưỡng, sửa chữa Trạm Kiểm lâm Hón Mong năm 2023 với tổng kinh phí được giao 300.000.000 đồng. Các công trình đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng và đã được quyết toán. Kiểm tra công tác quản lý đầu tư xây dựng công trình, Ban đã triển khai thực hiện đầy đủ các bước về quản lý dự án đầu tư theo quy định.

3.2.4. Thực hiện việc chi trả dịch vụ môi trường rừng:

Trong 02 năm, Ban thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng cho các bên nhận khoán bảo vệ rừng trên 04 lưu vực: Nhà máy thủy điện Bái Thượng, Nhà máy thủy điện Xuân Minh; Nhà máy thủy điện Cửa Đạt và Nhà máy thủy điện Dốc Cáy; trong đó:

+ Năm 2022, được giao kế hoạch chi trả dịch vụ môi trường rừng trên diện tích 24.203,86 ha (15.015,65 ha giao khoán; 9.188,21 ha tự bảo vệ), tổng kinh phí được giao 4.915.794.000 đồng; đã chi trả 2.838.696.000 đồng cho các đối tượng nhận khoán bảo vệ rừng (12 cộng đồng thôn bản và 104 cá nhân, hộ gia đình); Phần kinh phí còn lại 2.077.098.000 đồng đơn vị sử dụng để thuê khoán bảo vệ

rừng, chi phí quản lý và chi trả chi phí liên quan khác đến công tác tự bảo vệ.

+ Năm 2023, được giao kế hoạch chi trả dịch vụ môi trường rừng trên diện tích 24.098,35 ha (14.824,56 ha giao khoán; 9.273,79 ha tự bảo vệ), tổng kinh phí được giao 4.293.102.000 đồng; đã chi trả 2.468.737.000 đồng cho các đối tượng nhận khoán bảo vệ rừng (12 cộng đồng thôn bản và 113 cá nhân, hộ gia đình); Phần kinh phí còn lại 1.824.365.000 đồng đơn vị sử dụng để thuê khoán bảo vệ rừng, chi phí quản lý và chi trả chi phí liên quan khác đến công tác tự bảo vệ.

Kiểm tra hồ sơ, Ban đã chi trả dịch vụ môi trường rừng đúng đối tượng nhận khoán.

Năm 2020, có 03 cộng đồng nhận khoán BVR vi phạm hợp đồng nhận khoán, không được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên diện tích 590,59 ha, tương ứng với số tiền 53.497.000 đồng. Theo Thông báo duyệt quyết toán số 88/TB-SNN&PTNT ngày 05/11/2023 của Giám đốc Sở, số tiền này không được xem là nguồn thu của đơn vị, phải chuyển sang năm sau chờ xử lý. Đến nay, đơn vị chưa có phương án xử lý số tiền nói trên.

Qua kiểm tra thực tế tại 02 Cộng đồng Bản và hộ gia đình tham gia nhận khoán đã nhận đầy đủ số tiền được chi trả dịch vụ môi trường rừng theo hợp đồng đã ký kết với Ban quản lý.

3.2.5. Việc tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái:

Hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư phát triển du lịch sinh thái theo đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng KBTTN chưa mang lại hiệu quả cao, chưa tương xứng với tiềm năng phát triển (Thu phí tham quan trong 02 năm đạt 1.190.000 đồng).

II. Thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Ban đã bố trí phòng tiếp công dân; ban hành Quy chế tiếp công dân, Nội quy tiếp công dân; Thông báo tiếp dân hằng năm của Giám đốc Ban. Thực hiện nghiêm yết công khai Nội quy tiếp công dân, lịch tiếp dân tại phòng tiếp công dân của đơn vị. Việc thực hiện các quy định pháp luật về tiếp công dân đảm bảo theo quy định. Trong 02 năm, đơn vị không có đơn thư, công dân phản ánh, khiếu nại, tố cáo.

C. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

Qua kết quả kiểm tra xác minh các nội dung nêu trên, Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT kết luận:

I. Ưu điểm

- Ban Quản lý đã triển khai đầy đủ, chấp hành tốt các quy định của pháp luật về PCTN, thực hiện nghiêm chế độ báo cáo theo quy định. Trong 02 năm, không phát hiện hành vi về tham nhũng, tiêu cực.

- Ban đã phối hợp với các cấp chính quyền địa phương làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tạo chuyển biến trong nhận thức của nhân dân trong việc quản lý, bảo vệ rừng, PCCCR.

- Ban đã quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hằng năm theo định mức, chế độ quy định; thực hiện thanh quyết toán kinh phí đúng niên độ, chấp hành dự toán chi theo quy định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, nâng cao thu nhập cho cán bộ, viên chức, người lao động trong đơn vị.

- Thực hiện cơ bản đầy đủ các quy định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công, góp phần ngăn chặn hành vi lãng phí, thất thoát tài sản.

II. Tồn tại, hạn chế

1. Việc thực hiện các quy định của pháp luật trong thực hiện các quy định về PCTN

- Năm 2022, giấy đề xuất hỗ trợ phân bón cho cây mận không thể hiện diện tích mận làm cơ sở xây dựng dự toán; hỗ trợ cây chè mạn để làm hàng rào cho cộng đồng thôn Vịn không thể hiện chiều dài hàng rào cần xây dựng thuộc dự án hỗ trợ thôn bản vùng đệm; một số báo giá không có ngày, tháng, không có thời hạn báo giá; hồ sơ thanh toán mua hạt giống, cây giống thiếu bảng kê giống cây trồng lâm nghiệp theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ.

- Một số trường hợp kê khai TSTN hàng năm thực hiện chưa đúng yêu cầu theo hướng dẫn tại Phụ lục 01 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 cụ thể: tiêu đề chưa ghi kê khai hàng năm; một số thông tin mô tả về tài sản kê khai chưa đầy đủ; tổng thu nhập chưa phản ánh vàng, tiền mặt được cho, tiền từ bán đất; chưa phản ánh và giải trình biến động giảm tiền mặt giữa hai lần kê khai; giải trình mục tổng thu nhập chưa ghi chi tiết (*có chi tiết kèm theo*).

2. Việc chấp hành các quy định về PCTN trong hoạt động công vụ

- Tình hình an ninh rừng cơ bản ổn định, tuy nhiên trong 02 năm vẫn còn xảy ra một số vụ lấn chiếm, khai thác rừng và vận chuyển lâm sản trái phép trên địa bàn thôn Hang Cáu, xã Vạn Xuân và thôn Khoong, xã Yên Nhân.

- Năm 2023, đơn vị tuyên truyền, vận động người dân giao nộp 07 khẩu súng săn các loại. Tuy nhiên, toàn bộ số súng săn thu hồi được đơn vị đang lưu kho, chưa bàn giao cho cơ quan công an là chưa phù hợp theo quy định về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

- Năm 2023, Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng phát hiện 01 vụ vi phạm hành chính của ông Vi Văn Nhỏ với hành vi khai thác lâm sản trái phép, thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND huyện. Qua kiểm tra, hồ sơ chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt không đảm bảo thời gian theo quy định tại điểm 5, khoản 29, Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2020 (quá 24 giờ).

- Phương án PCCCR trong 02 năm không có sự tham gia ý kiến của cơ quan kiểm lâm, cảnh sát PCCC cấp huyện là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 2, điều 45, Nghị định 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Hoạt động xúc tiến, thông tin quảng bá về du lịch sinh thái chưa hấp dẫn du khách, chưa thu hút được nhà đầu tư.

III. Trách nhiệm:

1. Trách nhiệm của Lãnh đạo Ban

Trách nhiệm quản lý, điều hành đối với các tồn tại đã nêu tại mục II Tồn tại, hạn chế thuộc về Giám đốc Ban; Phó Giám đốc ban phụ trách lĩnh vực được phân công.

2. Trách nhiệm của cá nhân có liên quan

Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Ban; Trạm trưởng các Trạm Kiểm lâm Hón Can, Bản Khoong, Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng, Giám đốc Trung tâm phát triển sinh vật và Dịch vụ môi trường rừng, Phụ trách Kế toán và các công chức, viên chức và người lao động có liên quan đến các tồn tại đã được nêu tại mục II Tồn tại, hạn chế.

IV. Biện pháp xử lý tồn tại

Để khắc phục những tồn tại nêu trên, Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT kiến nghị:

1. Kiến nghị Giám đốc Sở:

Chỉ đạo Lãnh đạo Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên tổ chức kiểm điểm làm rõ trách nhiệm cá nhân đối với những khuyết điểm được nêu ở phần tồn tại, hạn chế.

2. Đề nghị Giám đốc Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên:

- Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với công chức, viên chức thuộc quyền quản lý có liên quan đến các tồn tại đã nêu ở mục III trách nhiệm.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao trách nhiệm trong việc chăm sóc, bảo vệ và phát triển rừng.

- Chỉ đạo bộ phận kế toán tăng cường tham gia các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ tài chính, kế toán.

- Chỉ đạo bộ phận Pháp chế thực hiện đúng quy định trong việc quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; tham mưu đúng quy định trong việc lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính và xây dựng phương án PCCCR hàng năm.

- Hỗ trợ có hiệu quả cho các thôn, xã vùng đệm; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung hỗ trợ tại các thôn, xã đảm bảo sử dụng đúng mục đích, phát huy hiệu quả đầu tư của dự án.

- Tăng cường hoạt động quảng bá du lịch, kêu gọi nhà đầu tư có tiềm năng tham gia liên doanh, liên kết phát triển du lịch sinh thái.

- Chỉ đạo phòng Tổ chức - Hành chính cập nhật kịp thời, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản về công tác phòng, chống tham nhũng; hướng dẫn cán bộ thuộc diện phải kê khai thực hiện kê khai đúng theo quy định.

- Có phương án xử lý đối với số tiền 53.497.000 đồng dịch vụ môi trường rừng năm 2020 không chi trả trong năm 2021 do cộng đồng nhận khoán vi phạm hợp đồng bảo vệ rừng.

- Báo cáo việc thực hiện kết luận thanh tra về Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày 25/8/2024.

3. Việc công khai Kết luận thanh tra:

- Công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Công khai trước đối tượng thanh tra.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ được giao, trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, yêu cầu Giám đốc Ban quản lý triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- PGĐ Sở Lê Đức Thuận (để báo cáo);
- Ban QL khu BTTN Xuân Liên (để thực hiện);
- Phòng Tổ chức cán bộ Sở;
- Lưu: Hồ sơ Đoàn thanh tra; TTr.

CHÁNH THANH TRA



Lê Huy Hoàng



Phụ lục chi tiết

(Kèm theo Kế luận thanh tra số 127/KL-TTr của Chánh Thanh tra)

STT	Họ và tên	Nội dung
1	Phạm Anh Tám	Tiêu đề chưa ghi kê khai tài sản, thu nhập hàng năm, phần nhà ở ghi cấp công trình; năm 2023 vàng có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, mới kê khai số lượng, chưa kê khai giá trị, tổng thu nhập chưa phản ánh chi tiết vàng được cho.
2	Đào Thế Anh	Năm 2022 chưa phản ánh và giải trình biến động giảm tiền mặt giữa hai lần kê khai.
3	Lê Văn Triệu	Ghi vào cuối từng trang bản kê khai “người kê khai”, “người nhận bản kê khai” là chưa đúng hướng dẫn; tổng thu nhập trong phần giải trình chưa ghi chi tiết.
4	Ngô Bình Giang	Năm 2022 tiền được bố mẹ cho mua cổ phiếu chưa phản ánh vào mục tổng thu nhập.
5	Nguyễn Ngọc Quân	Tiêu đề chưa ghi kê khai hàng năm; năm 2023 kê khai con đã hết tuổi vị thành niên.
6	Phạm Hồng Quân	Tiêu đề chưa ghi kê khai hàng năm; năm 2023 chưa phản ánh tiền bán đất vào mục tổng thu nhập.
7	Lê Thị Hường	Tiêu đề chưa ghi kê khai hàng năm; năm 2022 chưa phản ánh và giải trình biến động giảm tiền mặt giữa hai lần kê khai.
8	Lang Văn Khôi	Tiêu đề chưa ghi kê khai hàng năm; kê khai nhà ở ghi cấp công trình, theo hướng dẫn không phải kê; kê khai con đã hết tuổi vị thành niên.
9	Ngô Xuân Thắng	Tiêu đề chưa ghi kê khai hàng năm; năm 2023 chưa phản ánh và giải trình biến động giảm tiền mặt giữa hai lần kê khai.

THANH TRƯỞNG